

TƯ LIỆU

MINH THỰC LỤC, MỘT NGUỒN SỬ LIỆU ĐÔNG NAM Á

Geoff Wade

Người dịch: Trần Công Khanh

Người hiệu chú: Phạm Hoàng Quân

Lời dẫn: Bài viết dưới đây bằng Anh ngữ của Geoff Wade, Viện Nghiên cứu châu Á, Đại học quốc gia Singapore [SNU] là một nghiên cứu tổng quan về nguồn sử liệu Đông Nam Á [ĐNA] trong *Minh thực lục* [MTL]. Nghiên cứu của G. Wade nằm trong một chương trình chung khá dài hơi của SNU với mục tiêu chuyển dịch sang Anh ngữ toàn bộ các điều mục có liên quan đến ĐNA nằm rải rác trong 40.000 trang của bộ MTL. Gần hai phần ba trong các trích lục về ĐNA có liên quan trực tiếp đến lịch sử Việt Nam là lý do khiến chúng ta không thể không lưu ý hoặc hứng thú đối với công trình này. Trên tinh thần chung hiểu những vấn đề lịch sử khu vực dành cho số đông, chúng tôi mạn phép chuyển dịch bài nghiên cứu này sang Việt ngữ cùng với lòng trân trọng gửi đến tác giả - ông Geoff Wade.

Bản Việt ngữ do ký giả Trần Công Khanh dịch, tôi gia công hiệu đính và cho tên đối chiếu đối với một số danh từ riêng, cùng những chú thích cần thiết (trong ngoặc đơn và đặt ở phần chú thích bổ sung), các mở rộng ngắn gọn đi cùng với chính văn đặt trong ngoặc móc, các chú thích không có dấu ngoặc là của tác giả. Văn bản Anh ngữ nhan đề *The Ming Shi-lu as a source for Southeast Asian History*, từ nguồn: <http://epress.nus.edu.sg/msl>. P H Q.

1. Dẫn nhập

2. Minh thực lục

2.1. Nội dung Minh thực lục

2.2. Các ấn bản Minh thực lục

2.3. Sơ tập các trích dẫn Minh thực lục

2.4. Các danh mục về trích dẫn Minh thực lục

2.5. Các đặc trưng của Minh thực lục như là một nguồn sử liệu

3. Thế giới quan Trung Hoa và luận điểm của Minh thực lục

3.1. Hoàng đế / Nhà nước Trung Hoa

3.2. Vai trò văn minh hóa nền văn hóa Trung Hoa

3.3. Thái độ chung của những người phi Trung Hoa

3.4. Vị trí của những chính thể và dân tộc khác

1. Dẫn nhập

Bất kỳ sinh viên nào nghiên cứu quá khứ Đông Nam Á đều nhanh chóng nhận ra các nguồn văn bản liên quan đến giai đoạn trước thế kỷ 16 thật ít ỏi đã hạn chế như thế nào đối với việc phục dựng lại lịch sử từ sớm trong vùng. Sự tin cậy phải được đặt nơi những tác phẩm đang còn lại xác định rằng phần lớn lịch sử được viết bởi một nguồn đơn lẻ hoặc dựa trên một quan điểm đơn lẻ. Các tác phẩm liên quan tới giai đoạn, như là

Nagarakertagama⁽¹⁾, Sejarah Melayu⁽²⁾ hoặc sejarah khác và hikayat⁽³⁾ của bán đảo, các biên niên sử của Việt Nam, các văn kiện khác nhau về biên niên sử Ayudhyan, các biên niên sử của Campuchia, các ký sự của các chính thể *Tai*⁽⁴⁾ [Thái tộc] khác nhau và các văn kiện lịch sử khác có thể được so sánh với chỉ một số rất hạn chế các nguồn khác nhau, và chủ yếu được xem như là “cứ liệu” của chính thể trong giai đoạn đó.

Do đó, bất kỳ các trích lục từ nguồn bên ngoài nào đối với các chính thể Đông Nam Á có thể được xem như là một kho chứa khả dĩ về dữ liệu và những quan điểm hữu ích trong việc đối chiếu với những tư liệu và lịch sử bản địa. Với Đông Nam Á, một trong những nguồn hiển nhiên hơn nữa về giai đoạn trước thế kỷ 16 được cấu thành bởi các tác phẩm của Trung Hoa. Việc sử dụng các nguồn từ Trung Hoa để phục dựng/ xây dựng các lịch sử của các chính thể và xã hội Đông Nam Á chắc chắn không phải là một nỗ lực mới. Những lịch sử kế tiếp của các vương triều Trung Hoa tất cả đều chứa đựng những dữ kiện của các vùng ngày nay là những phần của Đông Nam Á và, trong nhiều trường hợp, sự phát triển lịch sử của các chính thể này, thường dựa trên lịch sử những vương triều trước đó nữa, cấu thành một phần đồng bộ của các tư liệu. Hơn một thế kỷ qua, các sưu tập những nguồn trích lục như thế đã được thu thập bởi Groeneveldt, Phùng Thừa Quân (馮承鈞) và Cố Hải (顧海), trong khi các sử gia khác đã sử dụng nhiều tư liệu Trung Hoa để soạn lịch sử của các chính thể sớm hơn của Đông Nam Á. *Le Founan* (Phù Nam) của Pelliot, *Le Lin-yi* (Lâm Ấp) của Stein và *The Birth of Vietnam* của Taylor, chẳng hạn, tất cả đều sử dụng văn bản Trung Hoa như là những nguồn sử liệu chính. Ngay cả Jacques (1979), khi gợi ý rằng các nguồn bản địa, đúng hơn là các nguồn Trung Hoa, có thể cấu thành yếu tố tiên quyết trong việc phục dựng lịch sử sớm hơn của lục địa Đông Nam Á, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của các nguồn sử liệu Trung Hoa. Đương nhiên, những lịch sử chính thức của Trung Hoa, như những lịch sử nói chung, được điều kiện hóa bởi những mục đích theo đó chúng được soạn ra. Do đó, khi dùng các nguồn sử này, người ta dễ bị “sự chuyên chế” của thuật chép sử nước Trung Hoa, nơi mà quan điểm được ghi lại cho rằng đối với giới tinh hoa quan lại Trung Hoa, giới mà các giá trị được sử dụng để phán xét là quan điểm của giới tinh hoa quan lại Trung Hoa - với quan điểm này những giá trị được sử dụng để phán xét là những giá trị văn hóa tinh hoa Trung Hoa và với quan điểm này, những quyết định về việc ghi cái gì được thực hiện dựa trên nền tảng của tiêu chuẩn chép sử truyền thống Trung Hoa. Tuy nhiên, cần minh định là vì mục tiêu và thành kiến của các sử gia Trung Hoa thường khác đối với sử gia Đông Nam Á, nên nguồn sử liệu Trung Hoa đem lại sự bổ khuyết hữu ích trong việc nghiên cứu lịch sử.

Lịch sử các vương triều là những nguồn trích dẫn chính yếu từ Trung Hoa được sử dụng trong việc soạn sử Đông Nam Á. Lịch sử các vương triều này có ưu thế là được chia thành từng phần và từng chủ đề, điều đó giúp cho việc truy cứu thông tin về những chính thể đặc thù hoặc những con người cụ thể, trở nên thuận lợi hơn. Một loại văn bản khác của Trung Hoa, các tác phẩm biên niên sử (được sắp xếp lịch đại), tuy vậy, đã không được khai thác đầy đủ như là lịch sử các vương triều. Đơn giản là vì một khối lượng lớn thời gian cần phải bỏ ra để tìm các chú giải về độ tin cậy của bất kỳ mục tiêu yêu

cầu nào. Chủ đề của công trình này, *Minh thực lục* (明實錄 - sau đây gọi là MTL), là một sử phẩm biên niên với 40.000 trang chép tay, văn bản không có chấm câu của sử phẩm này đã đem lại một rào chắn ngay cả cho những người tìm kiếm kiên trì nhất. Chính vì lý do này mà những trích lục về Đông Nam Á bên trong đó cho đến nay vẫn được các học giả rất ít sử dụng. Đối với dự án này, các trích lục có liên quan đến Đông Nam Á được lọc ra và dịch sang tiếng Anh, và giới thiệu trong một cơ sở dữ liệu có thể tra cứu thông qua nhiều ngả. Như là một nền tảng cho tư liệu, việc cần thiết trước tiên có lẽ là khảo sát xem bản chất của nguồn sử liệu và những cấu trúc ý thức hệ và văn bản học làm điều kiện để hình thành nên tác phẩm.

2. *Minh thực lục* (明實錄)

Minh thực lục (MTL) là một thuật ngữ có đặc điểm chung là nói đến những thực lục thu thập được, hoặc “những ghi chép chân thực” về những đời hoàng đế kế tiếp nhau của nhà Minh ở Trung Hoa (1368-1644). Do đó có thể nói rằng MTL tạo nên các biên niên sử của nhà Minh. Cho tới nay đó là nguồn sử liệu lớn nhất và độc nhất đối với triều đại này, cho nên nó giữ một vai trò quan trọng trong việc tái dựng lịch sử của xã hội và chính trị nhà Minh.¹

Một số các nghiên cứu chi tiết về MTL đã được tiến hành, trong đó các công trình của Wu Han,² Franke (1943 và 1968)³ và của Mano Senryu⁴ là nổi bật nhất. Công trình của Wu Han [Ngô Hàm] chủ yếu gồm một sưu khảo các tư liệu và trích lục liên quan đến MTL và đến giá trị lịch sử của nó, và phân tích chi tiết các phương diện trước tác và giới thiệu sự đa dạng của thực lục. Franke đưa ra một nghiên cứu tổng quát về nguồn gốc, phương pháp trước tác và các chức năng của MTL đồng thời cũng khảo sát giá trị của nó như là một nguồn sử liệu.⁵ Công trình của Mano Senryu bao gồm một tóm lược tổng quát của nghiên cứu được tiến hành trước đó đối với MTL, và sau đó lập ra các chi tiết của các nhà biên soạn và biên tập viên của thực lục kế tục, quá trình trước tác và giới thiệu và chuyển dịch qua nhiều ấn bản khác nhau.⁶ Gần đây hơn, một học giả trẻ người Hoa là Tạ Quý An/Xie Gui-an đã soạn ra một tư liệu chi tiết nhất để xác định việc biên soạn và các ấn bản thực lục liên tiếp.⁷ Tóm lại, MTL là một tập hợp thực lục (hoặc những ghi chép chân thật) của 13 trong số 15 triều vua đời nhà Minh. Hai triều còn lại thường bị loại ra khỏi danh sách “chính thức”, vì nhiều lý do khác nhau. Thực lục của Hoàng đế Kiến Văn (Hoàng đế đệ nhị) không được biên soạn chính thức là vì ông ta bị soán ngôi bởi người chú của mình là Chu Đế (kể trở thành Hoàng đế Vĩnh Lạc) vào năm 1402, và ông này đã có những ghi chép biên niên của hai đời hoàng đế trước sắp xếp lại. Dưới biên niên sử mới, triều của cha ông (Hoàng đế Hồng Vũ) kéo dài cho đến triều của chính ông bắt đầu và triều xen vào của cháu ông được bỏ đi.⁽⁵⁾ Đồng thời, thực lục của vị hoàng đế cuối cùng triều nhà Minh, rõ ràng, không thể biên soạn bởi các quan nhà Minh và do đó không được xét như là trước tác “chính thức”. Tuy *Sùng Trinh trường biên* (崇禎長編) không cung cấp tư liệu của triều này vẫn được đưa vào ấn bản thạch bản MTL Đài Loan (xem phần 2.2 bên dưới). Thực lục vô dụng khác là *Anh Tông thực lục* gồm ba triều vua, bắt đầu là Chính Thống của Chu Kỳ Chấn, trước khi ông bị những người Mông Cổ bắt

dem đi vào năm 1449, rồi triều Cảnh Thái [niên hiệu] của Chu Kỳ Ngọc và sau cùng là triều Thiên Thuận của Chu Kỳ Chấn kế tiếp cho đến sự phục vị của ông. Ngoài *Anh Tông thực lục*, mỗi thực lục bao gồm một tư liệu về một triều hoàng đế, và được biên soạn sau khi hoàng đế băng hà trên cơ sở một số nguồn:

a. *Khởi cư chú* (起居注), hay là “Nhật ký hoạt động và nghỉ ngơi”. Có những ghi chép mỗi ngày về các hành động và ngôn từ của hoàng đế tại triều. Truyền thống duy trì những ghi chép như thế có từ đời nhà Chu (khoảng 1100-221 trước Công nguyên). Trong giai đoạn đầu đời nhà Minh những ghi chép tại triều như thế được duy trì, nhưng rất sớm từ khi thực hành này bắt đầu, nó bị ngưng lại. Chỉ có một bi ký về sau này do Trương Cư Chính đưa ra cho biết vào năm 1575 việc ghi chép “Nhật ký hoạt động và nghỉ ngơi” được lập lại. Nhiều phần của các nhật ký này dành cho các triều Vạn Lịch, Thái Xương và Thiên Khải vẫn còn lưu giữ.

b. *Nhật lịch* “Ghi chép hàng ngày” (日曆). Các ghi chép này, được coi chính xác như là một nguồn đối với việc biên soạn thực lục, được biên soạn bởi một hội đồng dựa trên cơ sở các nhật ký và các nguồn văn bản khác. Triều duy nhất mà “Ghi chép hàng ngày” được ghi lại là triều Hồng Vũ.

c. *Các nguồn khác*. Trong quá trình biên soạn thực lục, tài liệu được tập hợp từ các trung tâm tỉnh và cũng được lựa chọn từ các nguồn chính thức khác như bi ký, công văn và công báo các kinh thành.

Việc biên soạn mỗi một thực lục được tiến hành bởi văn phòng sử quan thành lập theo lệnh của Đại văn phòng sau cái chết của một vị hoàng đế. Việc giám sát công trình cấp cao nhất nằm trong tay các đại thư lại là người duyệt các bản sơ thảo và thanh tra toàn bộ việc biên soạn. Các thanh tra viên biên soạn dường như luôn luôn được chỉ định trong giới quý tộc và vì không có quyền lực, đã không tác động ảnh hưởng lớn đến công trình. Dưới quyền các phó thanh tra viên biên soạn, được tuyển từ những đại thư lại, các biên soạn viên và biên tập viên, từ 60 đến 100 người, cùng với một bộ phận giúp việc lớn, rốt cuộc đã hoàn thành một tư liệu hoàn chỉnh về triều đại của một hoàng đế trước đó, và chép thành hai bản, một được đóng triện và đặt trong Đại văn phòng để dùng trong việc biên soạn lịch sử cả một triều đại, và bản kia được đặt dưới sự tùy nghi của hoàng đế, các đại thư lại và các sử quan. Điều đó không thể nói rằng việc xét lại không xảy ra. Đôi khi, với các thay đổi nhân sự cao cấp trong bộ phận biên soạn trong suốt giai đoạn biên soạn, bản sơ thảo khó tránh khỏi xem lại ở diện rộng và, vào những dịp đó, ngay cả bản thực lục hoàn chỉnh và được đóng triện cũng được mở ra và biên tập lại. Việc Chu Đệ cướp quyền của cháu mình vào năm 1402, như đã nêu ở trên, buộc phải xem lại ở diện rộng ghi chép của triều vua cha của người cháu để cắt xén các chi tiết của cháu ông vốn đã được chỉ định là người kế vị, và hợp thức hóa việc lên ngôi của ông.

Tên của các thực lục khác nhau, tên các triều mà thực lục ghi chép, các giai đoạn mà thực lục chuyển tải, và ngày tháng biên soạn các phiên bản hiện còn được ghi theo bản sau đây.

Thực lục của nhà Minh

Thực lục	Tên triều đại	Giai đoạn ghi chép	Ngày tháng biên soạn của phiên bản còn lại
Tai-zu (Thái Tổ)	Hong-wu (Hong Vũ)	5/1351-24/6/1418	1418
Tai-zong (Thái Tông)	Yong-le (Vĩnh Lạc)	24/6/1398-2/7/1424	1430
Ren-zong (Nhân Tông)	Hong-xi (Hong Hi)	25/8/1424-29/5/1425	1430
Xuan-zong (Tuyên Tông)	Xuan-de (Tuyên Đức)	16/6/1425-31/1/1435	1438
Ying-zong (Anh Tông)	Zheng-zong (Chính Thống)	29/1/1435-23/2/1464	1467
	Jing-tai (Cảnh Thái)		
	Tian-shun (Thiên Thuận)		
Xian-zong (Hiến Tông)	Cheng-hua (Thành Hóa)	23/2/1464-9/7/1487	1491
Xiao-zong (Hiếu Tông)	Hong-zhi (Hoằng Trị)	9/9/1487-8/6/1505	1509
Wu-zong (Vũ Tông)	Zheng-de (Chính Đức)	9/6/1505-27/5/1521	1525
Shi-zong (Thế Tông)	Jia-jing (Gia Tĩnh)	27/5/1521-23/1/1567	1577
Mu-zong (Mục Tông)	Long-qing (Long Khánh)	24/1/1567-5/1/1572	1574
Shen-zong (Thần Tông)	Wan-li (Vạn Lịch)	5/1/1572-18/8/1620	1630
Guang-zong (Quang Tông)	Tai-chang (Thái Xương)	19/8/1620-25/9/1620	1623
Xi-zong (Hi Tông)	Tian-qi (Thiên Khải)	22/1/1621-3/2/1628	1637
Si-zong (Tư Tông)	Chong-zhen (Sùng Trinh)	7/2/1628-24/4/1644	Cuối thế kỷ 17

* Tất cả các ngày tháng được dẫn theo *Một dẫn luận về các nguồn của sử nhà Minh*, 1968, của Wolfgang Franke.

2.1. Nội dung của MTL

Phạm vi các chủ đề đưa vào trong thực lục thật đồ sộ, gồm toàn bộ mỗi một phương diện cai trị và xã hội đời Minh. Quyền thứ nhất của “*Hiến Tông thực lục*” liệt kê 52 lĩnh vực bao quát, tài liệu liên quan được đưa vào trong thực lục đó.⁸ Bao gồm toàn bộ chi tiết về việc lên ngôi của hoàng đế và các sự kiện liên tục trong đời ông ta; bất kỳ sự kiện nào ghi chép đời sống các thành viên hoàng gia; hôn sự và sinh sự trong hoàng gia và trong gia đình các hoàng tử; tang ma trong các gia đình ấy; lễ cúng cho các thần linh khác nhau; toàn bộ tuyên ngôn và chỉ dụ; “các sắc lệnh và huấn từ đối với thần dân”; việc ban cấp các con triện; việc triệu yết của các quan; thiết lập và thay đổi các cơ quan hành chánh trung ương và địa phương; kiến nghị và thay đổi quan lại chủ chốt; sự kế thừa [tập ấm] của các vương hầu khanh tướng; việc bổ nhiệm các văn quan và võ quan vào toàn bộ những vị trí quan trọng; quy chế chi tiết các cuộc thi cử; bệnh tình và hưu trí của các quan lại cao cấp, các phần thưởng đặc biệt dành cho quan lại; chi tiết dân số hàng năm; bảng ghi công đức người đã mất; bất kỳ sắc chỉ mới nào có tầm quan trọng trong lĩnh vực hành chính bao gồm lưu đày, quản lý muối và vựa thóc; thay đổi lương bổng cho quý tộc và quan lại; tiệc tùng chiêu đãi quan lại và sứ thần; thiết lập hoặc bãi bỏ các trường học; chi tiết về các nhân vật chết khi làm nhiệm vụ của đất nước; các nhân vật trung thành và các liệt nữ nổi tiếng; các sự kiện thiên văn, việc điều động sứ thần đi nước ngoài; tiếp đãi

sứ thần các xứ khác, triển khai quân đội, xử lại các vụ oan sai; các cáo trạng tố giác sau khi mất; những việc nổi tiếng và v.v..

Như có thể thấy, những ghi chép có vẻ như bao gồm cả thông tin về Đông Nam Á chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ trong các nội dung MTL. Những thông tin ấy chủ yếu bao gồm trong các tư liệu về sứ thần đến triều kiến các nước khác từ Trung Hoa hoặc sứ thần được gửi đến các chính thể Đông Nam Á, các bản công đức tưởng nhớ từ các đại thần hoặc những cơ quan khác liên quan đến biên giới hoặc các vấn đề chính sách đối ngoại, hoặc các bản công đức tưởng nhớ của các quan lại ở Vân Nam và Quảng Đông.

2.2. Các ấn bản

Franke⁹ ghi nhận rằng mọi phiên bản của MTL được lưu giữ bí mật trong Đại văn phòng cho đến triều Vạn Lịch (1573-1619) và vì thế các bản sao chép chỉ được lưu truyền qua tay các cá nhân, được ghi chép liên tục vào cuối triều nhà Minh và nhà Thanh. Toàn bộ các bản chép cho đến thế kỷ 20 là bản chép tay, điều đó cho thấy khả năng rất lớn đối với việc chép sai, và ngày nay các bản chép ấy được lưu hành rộng rãi, với nhiều mức độ đầy đủ khác nhau, từ Trung Quốc, Nhật, châu Âu và Hoa Kỳ. Trong công trình của mình về MTL, Mano Senryu đưa ra các chi tiết về các bản được lưu giữ ở Nhật. Trong số các phiên bản lưu hành khắp thế giới, bản “gốc” nhất có vẻ như là bản tại Thư viện quốc gia Bắc Kinh, đó có thể là bản chép chính thức được làm trong đời nhà Thanh dùng để biên soạn lịch sử nhà Minh. Đó là phiên bản tạo nên cơ sở của bản in lại của Academia Sinica (中央研究院 - Trung ương nghiên cứu viện) (xem chi tiết bên dưới).

Ấn bản đầu tiên của MTL được phát hành năm 1940 bởi Lương Hồng Chí (梁鴻志) dựa trên cơ sở một bản sao lưu trong Thư viện tỉnh Giang Tô (Jiangsu) và ghi chú là thủ bản *Bảo Kinh Lôu Bản* (抱經樓本), sau khi thư viện giữ thủ bản và từ thủ bản này phiên bản của Thư viện Giang Tô được sao chép lại. Phiên bản in này đặc biệt được đánh dấu các ký tự của bản chép chất lượng thấp trong khi chuyển thủ bản. Phiên bản được chấp nhận rộng rãi và thông dụng nhất của MTL ngày nay là bản được phát hành dạng ảnh ấn bản [bản in chụp] của *Viện văn sử* thuộc *Trung ương nghiên cứu viện* ở Đài Loan từ năm 1963 đến 1968. Phiên bản sao chụp thạch bản này dựa trên thủ bản của Thư viện quốc gia Bắc Kinh, với những phần thiếu được bổ sung từ các bản chép khác. Thực lục hiện nay được bổ sung bằng 20 tập phê bình văn bản, đưa ra các dị bản và các điểm thay thế khác nhau khi các văn bản khác sai biệt với văn bản của Thư viện quốc gia Bắc Kinh. Tuy nhiên, không tính các dị bản từ những văn bản đã được biết và nhằm đến một nghiên cứu về những sai biệt hoặc ý nghĩa của chúng. Một lịch sử tóm lược về quá trình sao chép và xuất bản ảnh ấn bản được Hoàng Chương Kiện¹⁰ biên soạn.

2.3. Sưu tập các trích dẫn MTL

Tầm quan trọng của MTL như là một nguồn sử liệu từ lâu được thừa nhận và một loạt các biên soạn hữu ích về việc trích lục MTL đối với các chuyên đề được ấn hành trong vòng 50 năm qua. Một số các tác phẩm quan trọng được ghi dưới đây.

1943 - Haneda Toru [Hanh Vũ Điền]: “Sử liệu về Mãn Châu và Mông Cổ dưới thời nhà Minh - Trích dẫn MTL (Mông Cổ - Phần 1)”, Kyoto, 1943.

Đây là cuốn đầu tiên của một loạt tác phẩm, bao gồm các trích lục Thái Tổ (Tai-zu) thực lục và Thái Tông (Tai-zong) thực lục đối với người Mông.

1950 - Yamamoto Tatsuro [Sơn Bản Đạt Lang]: “Nghiên cứu lịch sử An Nam (Quyển 1)”, Tokyo, 1950.

Tác phẩm này gồm, xuyên qua toàn văn bản, một bảng kê dài về các trích dẫn MTL đối với Việt Nam.

1954-59 - Tamura Jitsuzo [Điền Thôn Thực Tạo]: “Sử liệu về Mãn Châu và Mông Cổ dưới triều nhà Minh - Các trích dẫn MTL (Người Mông Cổ - Phần 2-10)”, Kyoto.

1954-59 - Tamura Jitsuzo: “Sử liệu về Mãn Châu và người Mông Cổ dưới triều nhà Minh - Các trích dẫn MTL (Mãn Châu - Phần 1-6)”, Kyoto.

Các tác phẩm này là một sự kế tục loạt công trình được khởi đầu bởi Haneda Toru vào năm 1943 và gồm phần còn lại các trích dẫn liên quan đến MTL. Phần hai của quyển 10 của loạt tác phẩm này liên quan đến dân Mông Cổ có dẫn các trích dẫn MTL về Tây Tạng và dân Tây Tạng ở Trung Hoa.

1959 - Serruys, H.: “Dân Mông Cổ ở Trung Hoa dưới thời Hồng Vũ (1368-98)”, trong *Những pha trộn Trung Hoa và Phật giáo*, Quyển II, 1956-59.

Xuyên suốt văn bản có nhiều chi tiết trích dẫn số lượng lớn từ Thái Tổ thực lục liên quan đến dân Mông Cổ ở Trung Hoa trong giai đoạn đó.

1959 - Viện nghiên cứu xã hội và lịch sử dân tộc thiểu số tỉnh Vân Nam. Do Nhóm điều tra sắc tộc Vân Nam của Ủy ban các sắc tộc NPC (biên tập): “Thu thập các tư liệu lịch sử có liên quan đến Vân Nam trong MTL”, Côn Minh, 1959.

Như đề tựa gợi ra, tác phẩm này có các trích dẫn liên quan đến Vân Nam, nhưng cũng có nhiều trích dẫn liên quan đến Việt Nam.

1964 - Tazaka Kodo [Điền Phấn Hưng Đạo]: “Hồi giáo ở Trung Hoa - Sự du nhập và phát triển”, Quyển II, Toyo Bunko, Tokyo, 1964.

Tác phẩm này bao gồm nhiều trích dẫn MTL liên quan đến Hồi giáo ở Trung Hoa.

1966 - Hứa Tường Sanh (Hsu Hsiang-sheng): “Thái ấp phong kiến và mối quan hệ chư hầu giữa Trung Hoa và Ryukyu [Lưu Cầu] nhìn từ MTL”. Luận văn đại học trình Viện nghiên cứu sử, Đại học quốc gia Đài Loan, 1966.

Luận văn này có một bảng kê các trích dẫn MTL về các tương tác Trung Hoa-Lưu Cầu [Ryukyu] dưới thời Minh.

1968, 1976 - Triệu Lệnh Dương, Trần Học Lâm, Trần Chương, La Văn (Chiu Ling-yeong, Chan Hok-lam, Chan Cheung, Luo Wen) (đồng biên soạn): “Các trích dẫn lịch sử về Đông Nam Á trong MTL”, Hong Kong, 1968, 1976.

Một tập gồm hai quyển các trích dẫn MTL liên quan đến Đông Nam Á, biên soạn bởi bốn sinh viên cử nhân tại đại học Hong Kong dưới sự chủ nhiệm của GS La Hương Lâm.

1971 - Wada Hisanori [Hòa Điền Cửu Đức]: “Trích dẫn lịch sử về Okinawa [Xung Thành] trong MTL” Phần đầu được phát hành trong *Hội ký về nhân tính của Đại học nữ Ochanomizu*, Quyển 24, Số 2, 1971, trang 1-61.

1971 - Viện nghiên cứu kinh tế thuộc Ngân hàng Đài Loan: “Sử liệu trong MTL liên quan đến vùng biển ngoài khơi Phúc Kiến (Fu-jian)”, Đài Bắc, 1971.

Các trích dẫn ghi trong tác phẩm thường liên quan đến các hoạt động duyên hải của Phúc Kiến, nhưng cũng bao gồm một số trích dẫn về hoạt động duyên hải ở Quảng Đông và Triết Giang (Zhe-jiang).

1974 - Hagiwara Junpei [Dịch Nguyên Thuần Bình]: “Sử liệu liên quan đến các vùng phía tây dưới thời nhà Minh - Trích dẫn MTL”, Kyoto, 1974.

1975 - Yamamoto Tatsuro [Sơn Bản Đạt Lang]: “Lịch sử các quan hệ quốc tế Việt Nam-Trung Hoa - Từ sự nổi dậy của họ Khúc đến chiến tranh Trung Hoa-Pháp”, Tokyo, 1975.

Những ghi chú ở các chương III, IV, V và VI trong tập này do Yamamoto Tatsuro, Fujiwara Riichiro và Osawa Kazuo biên soạn, có một loạt các trích dẫn từ MTL về các mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Hoa dưới thời nhà Minh.

1980 - Viện nghiên cứu lịch sử Đông Nam Á, Đại học Trung Sơn (biên tập): “Tập hợp sử liệu liên quan đến Philippines trong thư tịch cổ Trung Hoa”, Bắc Kinh, 1980.

Trong tác phẩm này, trang 28-36 có các trích dẫn về Luzon, Pangasinan và Kumalarang, trong khi trang 76-79 có các trích dẫn MTL về Sulu.

1980-83 - Trịnh Hạc Thanh, Trịnh Nhất Quân (chủ biên): “Tập hợp tư liệu về các chuyến du hành của Trịnh Hòa đến Đại Tây Dương”, (4 quyển), Tế Nam, [Sơn Đông/ Shan-dong], 1980-83.

Trong các quyển này có các trích dẫn MTL khác nhau về những chuyến du hành của Trịnh Hòa và những nơi ông ta ghé qua trong các chuyến đi này.

1980 - Trung tâm nghiên cứu các dân tộc thuộc Viện các sắc tộc Thanh Hải (biên tập): “Tập hợp tư liệu từ MTL và Thanh thực lục về sắc tộc Sa-la”, n.p.

1981 - Trung tâm nghiên cứu các dân tộc thuộc Viện các sắc tộc Thanh Hải (biên tập): “Tập hợp tư liệu từ MTL về lịch sử sắc tộc Thanh Hải”, Tây Ninh, 1981.

1981 - Trịnh Lương Sanh: “Đính chính và bổ sung truyện Nhật Bản trong Minh sử”, Đài Bắc, 1981.

Gồm nhiều trích dẫn MTL về Nhật và người Nhật ở các vùng biển ven duyên.

1981 - La Hương Lâm (chủ biên): “Sử liệu về Tây Tạng trong MTL và Thanh thực lục”, Hong Kong, 1981.

Có nhiều trích dẫn về Tây Tạng và người Tây Tạng từ hai bộ thực lục.

1982 - “Lược sử về người Hoài Cát Nhĩ (Uighurs)”. Nhóm biên soạn (biên tập): “Trích lục tư liệu liên quan đến Wa-la trong MTL”, Ô Lỗ Mộc Tề (Urumqi), 1982.

Tác phẩm này tập hợp các trích dẫn về dân Oirat trong MTL.

1982 - Cố Tổ Thành (chủ biên): “Sử liệu Tây Tạng trong MTL”.

Tập hợp nhiều tập này gồm có các tư liệu về dân Tây Tạng, phần lớn họ sống bên ngoài đất nước chính thức của nhà Minh.

1983 - Viện nghiên cứu sắc tộc Quý Châu (biên tập): “Tập hợp tư liệu liên quan đến Quý Châu trong MTL”, Quý Châu, 1983.

Một bảng kê biên niên các trích dẫn MTL về tỉnh Quý Châu.

1983 - Taniguchi và T. Kobayashi [Cốc Khẩu Phòng Nam, Tiểu Lâm Long Phu] (biên tập): “Sử liệu liên quan đến các nhóm sắc tộc ở vùng Tây Nam (Trung Hoa) dưới thời nhà Minh - Các trích dẫn MTL (Q. 1)”, Tokyo, 1983.

Tác phẩm này tập hợp các trích dẫn về các dân tộc phi Trung Hoa ở Quảng Tây, Quảng Đông, Quý Châu, Tứ Xuyên, Tây Tạng và Vân Nam có trong Thái Tổ và Thái Tông thực lục.

1984 - Trần Cao Hoa (biên soạn): “Tập hợp tư liệu nhà Minh về dân Ha-mi [Cáp Mật] và dân Tu lu fan [Thổ Lô Phồn]”, Ô Lô Mộc Tề, 1984.

Có các trích dẫn MTL về người Hami và Turfan.

1985 - Cảnh Chấn Quốc và cộng sự (biên tập): “Tập hợp tư liệu liên quan đến Lào trong cổ tịch Trung Hoa”, Trịnh Châu, 1985.

Các trích dẫn MTL về Lào có thể tìm thấy ở các trang 41-63 trong quyển này.

1985 - Trần Hiến Tứ và cộng sự (biên tập): “Sử liệu liên quan đến Campuchia trong cổ tịch Trung Hoa”, Trịnh Châu, 1985.

Các trích dẫn về Campuchia trong MTL có thể tìm thấy từ các trang 168-174 trong quyển này.

1985 - Tân Pháp Xuân: “Dòng họ Mộc và sự khai phát Vân Nam thời nhà Minh”, Đài Bắc, 1985.

Các chú thích đưa ra trong sách có cả các trích dẫn với một tỷ lệ lớn từ MTL về dòng họ Mộc và vai trò của họ trong việc đưa Vân Nam nhập vào Trung Hoa.

1985 - Hà Bình Úc, Triệu Lệnh Dương (biên tập): “Tư liệu thiên văn trong MTL” (Q. I và II), Hong Kong.

Có các trích dẫn về quan sát thiên văn tìm thấy trong MTL.

1986 - Lục Tuấn Linh, Chu Triệu Tuyên (biên tập): “Tập hợp tư liệu liên quan đến Campuchia trong cổ tịch Trung Hoa”, Bắc Kinh, 1986.

Các trích dẫn MTL về Campuchia có thể tìm thấy ở các trang 162-172 trong tác phẩm này.

1987 - Trịnh Lương Sanh (biên tập): “Sử liệu về cướp biển Nhật thời nhà Minh”, Đài Bắc, 1987.

Một tập hợp mạch lạc gồm nhiều trích dẫn về cướp biển được biết dưới tên “Cướp Nhật Bản” dọc theo bờ biển Trung Hoa dưới thời nhà Minh.

1988 - Lục Diệu Thuyên (biên soạn), Luyện Minh Chí (hiệu bổ): “Tập hợp tư liệu trong MTL về các sắc tộc thiểu số ở Quảng Đông”, Quảng Đông, 1988.

Một tập hợp các trích dẫn liên quan đến những dân tộc phi Trung Hoa của Quảng Đông, nhưng cũng có những trích dẫn khác về tỉnh này.

1988 - Dương Tân Tài, Ngô Trung Lễ (chủ biên): “Tập hợp tư liệu về Ninh Hạ trong MTL”, Yin-chuan, 1988.

Một tập hợp các trích lục về Ning-xia, một thực thể tồn tại suốt triều nhà Minh. Các trích dẫn là những chính thể và xã hội ở các nơi mà ngày nay là một phần của vùng tự trị Ning-xia (Ninh Hạ).

1989 - Đào Vĩnh Minh (biên soạn): “Trích lục tư liệu lịch sử liên quan đến dân tộc Thái ở Trung Hoa”, loạt sách dịch các tác phẩm cổ đại về các dân tộc thiểu số tỉnh Vân Nam, Số 14, Côn Minh, 1989.

Tác phẩm này gồm một lượng tuyển chọn lớn các trích dẫn từ MTL về các dân tộc Thái và các chính thể của họ thời nhà Minh bị chia cắt bởi biện pháp cai trị.

1989 - Ngụy Trị Trần (biên tập): “Tập hợp sử liệu về dân tộc Di”, Tứ Xuyên, 1989.

Các trích dẫn MTL trong tác phẩm được ghi lại từ các trang 134-232.

1989 - Quách Hậu An (biên soạn): “Tuyển lục tư liệu kinh tế trong MTL”, Bắc Kinh, 1989.

Gồm các trích dẫn về dân số, hệ thống đồng ruộng, thuế, nông nghiệp, công nghiệp và thương mại, vận chuyển muối, gạo và tài chính.

1990 - Lý Quốc Tường (chủ biên): “Trích lục MTL theo chủ đề - Tập về các tiểu sử cá nhân”, Vũ Hán, 1990. [*Minh thực lục loại toàn*].

1991 - Lý Quốc Tường (chủ biên): “Trích lục MTL theo chủ đề - Tập tư liệu về quan hệ ngoại giao”, Vũ Hán, 1991.

Đó là hai quyển đầu trong một loạt sách gồm một lượng tập hợp lớn trích lục MTL xếp theo chủ đề. Các quyển khác đã phát hành gồm:

1992 - “Tập tư liệu về tỉnh Hồ Bắc”.

1992 - “Tập tư liệu về thành Bắc Kinh”.

1992 - “Tập tư liệu về văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật”.

1992 - “Tập tư liệu về chính sự cung đình”.

1993 - “Tập tư liệu về tỉnh Tứ Xuyên”.

1993 - “Tập tư liệu về hiện tượng tự nhiên”.

1993 - “Tập tư liệu về vấn đề kinh tế”.

1993 - “Tập tư liệu về Phúc Kiến và Đài Loan”.

1993 - “Tập tư liệu về Quảng Đông và Hải Nam”.

1993 - “Tập tư liệu về tỉnh Quảng Tây”.

1994 - “Tập tư liệu về tỉnh An Huy”.

1994 - “Tập tư liệu về tỉnh Sơn Đông”.

1994 - “Tập tư liệu luật và thanh tra”.

1995 - “Tập tư liệu về phụ nữ”.

1995 - “Tập tư liệu tỉnh Hồ Bắc và Tianjin”.

1995 - “Tập tư liệu tỉnh Triết Giang và Thượng Hải”.

1995 - “Tập tư liệu bổ nhiệm và bãi nhiệm”.

1995 - “Tập tư liệu các dòng họ chư hầu phong kiến được phong vương”.

Vì loạt sách này cung cấp những trích dẫn MTL dưới dạng công dụng, và mạch lạc, không nghi ngờ gì nữa vì nó sẽ trở thành bộ tập hợp MTL được sử dụng rộng rãi nhất. Tuy nhiên, bộ sách này có thể có hạn chế khi mà mỗi quyển được biên soạn, biên tập và chấm câu bởi nhiều người, đôi khi đưa đến kết quả là cùng một trích dẫn khi xuất hiện trong nhiều tập được chấm câu khác nhau. Trong những trường hợp hiếm hơn, ký tự có khi cũng khác nhau trong các quyển. Các quyển sách này do đó nên được sử dụng cùng với ấn bản Đài Bắc và các phụ lục về phê bình văn bản của nó, [*tên thường gọi là Minh thực lục loại toàn*].⁽⁶⁾

2002 - Tian Wei-jiang [Điền Vệ Cương]: “Tập hợp tư liệu về Tân Cương trong MTL”, Ô Lỗ Mộc Tề, Tân Cương nhân dân xuất bản xã, 2002.

Tập hợp các trích dẫn MTL này về Tân Cương (một thực thể đã không được dựng nên vào thời Minh) có các trích dẫn về các chính thể đã kế tục bị chiếm và sáp nhập vào quốc gia Trung Hoa.

2.4. Các danh mục về trích dẫn MTL

Cùng với các tập hợp khác nhau về các trích dẫn ghi ở trên, còn có một số các danh mục hữu ích về các trích dẫn MTL về những chuyên đề. Chúng gồm:

1969 - Shiratori Yoshiro [Bạch Diểu Phương Lan]: “Nền tảng của sự hình thành cấu trúc sức mạnh tại Nam Trung Hoa và Đông Nam Á - các nhóm sắc tộc và các phả hệ của họ”, in lại trong *Các nghiên cứu lịch sử sắc tộc Nam Trung Hoa*, Tokyo, 1985.

Ở các trang từ 410-42 của bản in lại năm 1985 là một danh mục các trích dẫn MTL về tu-si [Thổ Ty] (các chính quyền địa phương) ở Hồ Quảng, Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông cho tới cuối thế kỷ 15.

1975 - Watanabe Hiroshi: “Một danh mục về các đại sứ quán và nhiệm vụ chư hầu từ các nước Hồi giáo đến thời Minh Trung Hoa (1368-1644) như được ghi lại trong MTL, sắp xếp theo vùng địa lý”, trong *Hồi ký về Cơ quan nghiên cứu của Toyo Bunko*, Số 33, 1975, các trang 285-347.

Đây là phiên bản tiếng Anh của một tạp chí nguyên được phát hành bằng tiếng Nhật năm 1971, và có những chi tiết về các trích dẫn MTL liên quan đến nhiều chính thể Hồi giáo hiển nhiên, và những chính thể Hồi giáo khác không hiển nhiên, ở Trung Đông, Trung Á và Đông Nam Á.

1988 - H. Matsutake [Tùng Trúc Khánh Trường]: “Nghiên cứu về hàng hải Nhật ở Đông Nam Á vào năm Khánh Trường thứ 14 Keicho (1609 sau CN)”, trong *Niên san các nghiên cứu Đông Nam Á*, 1988, các trang 47-80.

Bài này có một bảng kê các trích dẫn MTL về Ruykyu [Lưu Cầu] ở các trang 60-63.

Tại một hội nghị về hai triều Minh, Thanh tổ chức tại Đại học Hong Kong năm 1985, GS Từ Hoằng (徐泓) đưa ra các chi tiết về một “Danh mục liệt kê MTL”, một danh mục toàn bộ về MTL được biên soạn tại Đài Loan, gồm 11 phần chính chứa đựng hơn 1.200 đề mục. Công trình này dường như được tài trợ, ít nhất là một phần, bởi tiền của Harvard-Yenching [Yên Kinh]. Không có chi tiết nhiều hơn về dự án này, và dường như quá trình đang tiến hành hướng đến một phiên bản điện tử toàn bộ văn bản MTL tại Viện hàn lâm Trung Hoa, cũng có chi tiết mới được Trần Quốc Đống (陳國棟) cho biết, công trình dường như được gộp vào một dự án mới.

(Còn tiếp)

CHÚ THÍCH

1. Cần nghiên cứu lịch đại tầm rộng hơn về triều Minh, xem Mote và Twitchett, *Lịch sử Trung Hoa theo Cambridge*, Quyển 7: *Triều Minh 1368-1644*, Phần I (Cambridge Mass., 1988).
2. Wu Han, 1948
3. W. Franke, “Der Kompilation und Überlieferung der Ming Shi-lu” *Sinologische Arbeiten* I (1943); *Dẫn nhập về các nguồn sử triều Minh*, 1968.

4. Mano Senryu, 1979.
5. W. Franke, *Dẫn nhập về các nguồn sử triều Minh*.
6. Mano Senryu, pp. 3-6, 6-69, 70-90, 90-119 (theo trình tự).
7. Xie Gui-an, 2003.
8. Wu Han, 1948, pp. 401-4.
9. Franke, *Dẫn nhập về các nguồn sử triều Minh*.
10. Huang Chang-chien, 1972.

CHÚ THÍCH BỔ SUNG

- (1) Một bản ca tụng cổ tiếng Java đối với nhà vua Hayam Wuruk triều đại Majapahit. TCK.
- (2) Biên niên sử bằng tiếng Mã Lai cổ. TCK.
- (3) Những chuyện kể bằng tiếng Ả Rập.
- (4) “Tai” 傣 Thái, tên bộ tộc/ dân tộc. G. Wade dùng thuật ngữ này để chỉ chung một số bộ tộc ở nam Vân Nam, và được dùng với tính cách đại diện cho một số dân tộc khác. Trong sử Trung Quốc, dân tộc Thái được gọi bằng nhiều tên khác nhau tùy theo thời kỳ lịch sử. *Minh thực lục* dùng các tên Bách Di, Kim Xỉ, Hắc Xỉ, Man.
- (5) Minh Thái Tổ mất vào tháng 5 (nhuận) năm Mậu Dần [1398], niên hiệu Hồng Vũ dùng ở năm thứ 31. Thái Tôn tức cháu nội Thái Tổ lên nối ngôi, lấy hiệu Kiến Văn (1399-1402) tức Huệ Đế. Thời Kiến Văn xảy ra cuộc chính biến, sử Trung Quốc gọi là “chính biến Tĩnh Nạn”. Con của Thái Tổ là Lệ/Đệ được phong ở đất Yên khởi binh tranh ngôi với cháu là Huệ Đế. Tháng 6 năm 1402 Yên Vương Lệ làm chủ kinh thành, lên ngôi hoàng đế, tức vua Thành Tổ, niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424). Do chủ trương của Thành Tổ, thực lục về Huệ Đế bị xóa hoặc sửa đổi, các sự kiện thời Kiến Văn bị nhập vào thực lục Thái Tổ hoặc Thành Tổ, tình trạng này khiến *Thái Tổ thực lục* có số năm nhiều hơn thực tế.
- (6) Danh mục *Minh thực lục loại toàn* của G. Wade liệt kê đã bỏ sót “Quân sự sử quyền” (1993). Trong quyển loại toàn về lịch sử quân sự này, phần thứ 8 “Dụng binh Nam cương” có nhiều trích đoạn liên quan đến chiến tranh Minh - An Nam, tuy nhiên đây chỉ là trích tuyển, các sự kiện được trích lục chỉ khoảng 1/10 các điều mục liên quan hiện có trong MTL.

TÓM TẮT

Bài viết là một nghiên cứu tổng quan của tác giả Geoff Wade về nguồn sử liệu Đông Nam Á trong bộ *Minh thực lục*. Sau khi điểm qua nội dung, các ấn bản, sưu tập các sách trích dẫn *Minh thực lục*, các đặc trưng của *Minh thực lục* như là một nguồn sử liệu, tác giả đã phân tích về thể giới quan Trung Hoa thể hiện qua bộ *Minh thực lục*. Mặc dù thừa nhận *Minh thực lục* giữ một vai trò quan trọng trong việc tái hiện lịch sử xã hội, chính trị nhà Minh và mang lại những bổ khuyết hữu ích cho việc nghiên cứu lịch sử vùng Đông Nam Á, tác giả đã lưu ý người đọc cần ý thức rằng, luận điểm Trung Hoa (và cũng là khuôn khổ của cách chép sử trong *Minh thực lục*) phản ánh “cái mà nhà Minh muốn nó phải là” hơn là cái mà nhà Minh đã là.

ABSTRACT

THE MING SHI-LU AS A SOURCE OF DATA FOR SOUTHEAST ASIAN HISTORY

This article is Geoff Wade's general study on the source of historical data regarding Southeast Asia found in the book *Ming Shi-lu* (also known as the Veritable Records of the Ming Dynasty). After giving a sketchy description of the contents of the book, its editions, the number of books quoting the *Ming Shi-lu* and using its typical characteristics as a source of historical documents, the author gives an analysis on the Chinese world outlook as represented through the *Ming Shi-lu*. Though he admits that *Ming Shi-lu* plays an important part in an effort to recreate the history, society and politics of the Ming dynasty and it provides helpful data supplement to a study on the history of the Southeast Asia, the author advises readers to be aware of the fact that the Chinese point of view (also the writing method of *Ming Shi-lu*) reflects “what the Ming dynasty wanted it to be” rather than what it actually was.